

Số: 28/2023/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 25 tháng 5 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Căn cứ vào Điều 33 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Kim H, sinh năm 1995. Địa chỉ: Xóm 4, thôn T 2, xã T3, huyện T4, tỉnh Bình Định.
- Bị đơn: Anh Lữ Thành Q, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Chị Võ Thị Kim H và anh Lữ Thành Q thỏa thuận chia tài sản chung của chị H và anh Q tạo dựng được trong thời kỳ hôn nhân đối với các tài sản chung gồm:

- Thừa đất số 536, tờ bản đồ số 7, diện tích 330 m² đất HNK. Địa chỉ thửa đất: Thôn X, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 264479, được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 16/01/2020, đất đứng tên ông Lữ Thành Q và bà Võ Thị Kim H. Đất có vị trí:

- + Phía Đông giáp thửa đất số 550, tờ bản đồ số 7 có kích thước 3,28m + 20,20m và giáp nương nước có kích thước 8,76m;
- + Phía Tây giáp thửa đất số 265, tờ bản đồ 7 có kích thước 3,27m + 28,10m;
- + Phía Nam giáp thửa đất số 278, tờ bản đồ số 7 có kích thước 8,94m và giáp thửa đất số 288, tờ bản đồ số 7 có kích thước 15,29m;

+ Phía Bắc giáp đường đi rộng 5m (quy hoạch 11,5m) có kích thước 5,41m, giáp thửa đất số 550 có kích thước 15m và giáp thửa đất số 551 có kích thước 5m.

Trị giá thửa đất căn cứ theo biên bản định giá ngày 16/3/2023 là 13.200.000đ (Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Tài sản gắn liền với đất gồm: 01 giếng nước đường kính 1,6m, sâu 8,4m. Thành giếng xây gạch dày 10cm, không tô trát cao 0,8m, không có sân giếng, buy giếng xây gạch 6 lỗ không trát. Trị giá giếng nước căn cứ theo biên bản định giá ngày 16/3/2023 là 8.490.025đ (Tám triệu bốn trăm chín mươi nghìn không trăm hai mươi lăm đồng).

- Thửa đất số 550, tờ bản đồ số 7, diện tích 349 m² (trong đó 300 m² đất ONT, 49 m² đất HNK). Địa chỉ thửa đất: Thôn X, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 688533, được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 28/6/2020 (biên động ngày 29/10/2020), đất đứng tên ông Lữ Thành Q và bà Võ Thị Kim H. Đất có vị trí:

+ Phía Đông giáp thửa đất số 551, tờ bản đồ số 7 có kích thước 23,48m;

+ Phía Tây giáp thửa đất số 536, tờ bản đồ số 7 có kích thước 23,48m;

+ Phía Nam giáp thửa đất số 536, tờ bản đồ số 7 có kích thước 15m;

+ Phía Bắc giáp đường đi rộng 5m (Quy hoạch 11,5m) có kích thước 15m.

Trị giá thửa đất căn cứ theo biên bản định giá ngày 16/3/2023 là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản chung căn cứ theo biên bản định giá ngày 16/3/2023 là 171.690.025đ (Một trăm bảy mươi một triệu sáu trăm chín mươi nghìn không trăm hai mươi lăm đồng).

2.2 Chị Võ Thị Kim H và anh Lữ Thành Q thỏa thuận chia tài sản chung cụ thể như sau:

* Giao cho chị Võ Thị Kim H được quyền sử dụng các thửa đất gồm:

- Thửa đất số 820, tờ bản đồ số 7, diện tích 111,3 m² HNK (thửa đất được tách ra từ thửa đất số 536, tờ bản đồ số 7, có trích lục bản đồ kèm theo). Thửa đất có vị trí như sau:

+ Phía Đông giáp ruộng nước có kích thước 8,76m;

+ Phía Tây giáp thửa đất số 819, tờ bản đồ 7 có kích thước 9,21m;

+ Phía Nam giáp thửa đất số 288, tờ bản đồ số 7 có kích thước 12,57m;

+ Phía Bắc giáp thửa đất số 551, tờ bản đồ số 7 có kích thước 5m và giáp thửa đất số 818, tờ bản đồ số 7 có kích thước 7,5m.

Thửa đất số 820, tờ bản đồ số 7, diện tích 111,3 m² HNK có giá trị căn cứ theo biên bản định giá ngày 16/3/2023 là 4.452.000đ (Bốn triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng).

- Thửa đất số 818, tờ bản đồ số 7, diện tích 174,5 m², trong đó có diện tích đất 150 m² ONT + 24,5 m² HNK. Đất có diện tích 24,5 m² đất thuộc chỉ giới quy hoạch giao thông (thửa đất được tách ra từ thửa đất số 550, tờ bản đồ số 7, có trích lục bản đồ kèm theo). Thửa đất có vị trí như sau:

+ Phía Đông giáp thửa đất số 551, tờ bản đồ số 7 có kích thước 20,20m + 3,28m;

+ Phía Tây giáp thửa đất số 817, tờ bản đồ số 7 có kích thước 20,20m + 3,28m;

+ Phía Nam giáp thửa đất số 820, tờ bản đồ số 7 có kích thước 7,50m;

+ Phía Bắc giáp đường đi rộng 5m (Quy hoạch 11,5m) có kích thước 7,50m.

Thửa đất số 818, tờ bản đồ số 7, diện tích 174,5 m² có giá trị căn cứ theo biên bản định giá ngày 16/3/2023 là 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng).

Phần tài sản chi H được chia có giá trị căn cứ theo biên bản định giá ngày 16/3/2023 là 79.452.000đ (bảy mươi chín triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng).

* Giao cho anh Lữ Thành Q được quyền sử dụng các thửa đất và tài sản gắn liền với đất gồm:

- Thửa đất số 819, tờ bản đồ số 7, diện tích 218,7 m² HNK (thửa đất được tách ra từ thửa đất số 536, tờ bản đồ số 7, có trích lục bản đồ kèm theo). Thửa đất có vị trí như sau:

+ Phía Đông giáp thửa đất số 820, tờ bản đồ số 7 có kích thước 9,21m và giáp thửa đất số 817, tờ bản đồ số 7 có kích thước 7,5m + 20,20m + 3,28m.

+ Phía Tây giáp thửa đất số 265, tờ bản đồ 7 có kích thước 3,27m + 28,10m;

+ Phía Nam giáp thửa đất số 278, tờ bản đồ số 7 có kích thước 8,94m và giáp thửa đất số 288, tờ bản đồ số 7 có kích thước 2,72m;

+ Phía Bắc giáp đường đi rộng 5m (quy hoạch 11,5m) có kích thước 5,41m.

Thửa đất số 819, tờ bản đồ số 7, diện tích 218,7 m² HNK có giá trị căn cứ theo biên bản định giá ngày 16/3/2023 là 8.748.000đ (Tám triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

- Thửa đất số 817, tờ bản đồ số 7, diện tích 174,5 m², trong đó có diện tích đất 150 m² ONT + 24,5 m² HNK. Đất có diện tích 24,5 m² đất thuộc chỉ giới quy hoạch giao thông (thửa đất được tách ra từ thửa đất số 550, tờ bản đồ số 7, có trích lục bản đồ kèm theo). Thửa đất có vị trí như sau:

+ Phía Đông giáp thửa đất số 818, tờ bản đồ số 7 có kích thước 20,20m + 3,28m;

+ Phía Tây giáp thửa đất số 819, tờ bản đồ số 7 có kích thước 20,20m + 3,28m;

+ Phía Nam giáp thửa đất số 819, tờ bản đồ số 7 có kích thước 7,50m;

+ Phía Bắc giáp đường đi rộng 5m (Quy hoạch 11,5m) có kích thước 7,50m.

Thửa đất số 817, tờ bản đồ số 7, diện tích 174,5 m² có giá trị căn cứ theo biên bản định giá ngày 16/3/2023 là 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng).

- Tài sản gắn liền với thửa đất số 819, tờ bản đồ số 7, diện tích 218,7 m² HNK (có trích lục bản đồ kèm theo, thửa đất được tách ra từ thửa đất số 536, tờ bản đồ số 7): 01 giếng nước đường kính 1,6m, sâu 8,4m. Thành giếng xây gạch dày 10cm, không tô trát cao 0,8m, không có sân giếng, buy giếng xây gạch 6 lỗ không trát. Trị giá giếng nước theo biên bản định giá ngày 16/3/2023 là 8.490.025đ (Tám triệu bốn trăm chín mươi nghìn không trăm hai mươi lăm đồng).

Phần tài sản anh Q được chia có giá trị căn cứ theo biên bản định giá ngày 16/3/2023 là 92.238.025đ (Chín mươi hai triệu hai trăm ba mươi tám nghìn không trăm hai mươi lăm đồng).

Phần giá trị tài sản chênh lệch mà chị Võ Thị Kim H và anh Lữ Thành Q đã thỏa thuận phân chia, chị H và anh Q thống nhất anh Q không phải hoàn trả lại phần giá trị tài sản chênh lệch này.

Chị Võ Thị Kim H và anh Lữ Thành Q có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký đất đai theo quy định của pháp luật.

2.3 Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị Võ Thị Kim H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), chị H đã nộp đủ số tiền này.

2.4 Về án phí: Chị Võ Thị Kim H phải chịu 1.986.300đ (Một triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 8.125.000đ (Tám triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004219 ngày 30/01/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Chị Võ Thị Kim H được hoàn trả lại số tiền là 6.138.700đ (Sáu triệu một trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm đồng).

Anh Lữ Thành Q phải chịu 2.305.951đ (Hai triệu ba trăm lẻ năm nghìn chín trăm năm mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, V.Phòng.

THẨM PHÁN

Trịnh Thị Yến Ngọc